



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

2 Lĩnh vực kinh doanh

Tổng hợp nhiều lĩnh vực kinh doanh.

3 Ngành nghề kinh doanh

- Cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông
- Mua bán, lắp đặt và sửa chữa bảo dưỡng thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin và các thiết bị chống sét.
- Xây dựng các công trình viễn thông và cột ăng ten.
- Dịch vụ kỹ thuật đo chất lượng thiết bị mạng và chất lượng dịch vụ viễn thông tin học.

Ngoài ra Công ty còn kinh doanh các lĩnh vực sau:

- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá.
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (dịch vụ truy cập dữ liệu, dịch vụ xử lý số liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử);
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, công trình cơ sở hạ tầng.
- Dịch vụ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực điện tử, tin học.

4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến BCTC

II Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1 Kỳ kế toán năm (bắt đầu ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12) hàng năm.
- 2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng.

III Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

- 1 Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính.
- 2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Báo cáo Tài Chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.
- 3 Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

IV Các chính sách kế toán áp dụng

1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tương đương tiền có tính thanh khoản cao, Phù hợp với cơ chế kế toán số 24 " Báo cáo lưu chuyển tiền tệ". Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

2 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc
Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền.
Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.
Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

3 Nguyên tắc ghi nhận khấu hao TSCĐ và Bất động sản đầu tư:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính);

11/03/2013



NISCO

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HẠ TẦNG MẠNG
Tầng 9, Nhà D, KS Thể thao, Nhân Chính, Thanh Xuân, HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III năm 2012

Mẫu số B 09 - DN

Theo nguyên giá trong bảng cân đối kế toán phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.
Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến vi
đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi ph
quan trực tiếp (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh
chi phí lắp đặt và chạy thử khác (nếu có).

Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính).

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, Phù hợp với Thông
203/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	7
Phương tiện vận tải:	5 - 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

4 Nguyên tắc ghi nhận khấu và hao bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư;
- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.

5 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn dài hạn khác: Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn.

6 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những
sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản
đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các kho
vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh thực tế.

- Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ;

7 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước;
- Chi phí khác;
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước;
- Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại;

8 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

9 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

10 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu.
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:



NISCO

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HẠ TẦNG MẠNG
Tầng 9, Nhà D, KS Thể thao, Nhân Chính, Thanh Xuân, HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III năm 2012

Mẫu số B 09 - DN

-Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá, dịch vụ được xác định một cách tin cậy và công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã có sự giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng. Doanh thu cho thuê tài sản trong năm là số tiền cho thuê tài sản được xác định tương ứng với thời gian trong kỳ kế toán tính nguyên tắc làm tròn tháng.

-Doanh thu cung cấp dịch vụ

-Doanh thu hoạt động tài chính: gồm tiền lãi gửi ngân hàng và các khoản tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận trên cơ sở đòi được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng, tiền gửi có kỳ hạn và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các Ngân hàng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

-Doanh thu hợp đồng xây dựng.

12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.

13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

*Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số liên dự kiến được thu hồi hoặc phải cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Năm 2011, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên theo hướng dẫn tại thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2011 áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

*Thuế thu nhập hoãn lại:

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng có mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị của khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có nhu cầu tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

14 Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

15 Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

15
G
H
↓
G
15



V Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

01 Tiền và các khoản tương đương tiền	Tại ngày	Tại ngày
	30/09/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	123.704.541	163.981.935
Tiền gửi Ngân hàng	123.236.531	427.522.674
Các khoản tương đương tiền		
Cộng	246.941.072	591.504.609

02 Các khoản phải thu khác	Tại ngày	Tại ngày
	30/09/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu tiền điện, xăng dầu các trạm	887.239.151	963.578.304
Vật tư thu hồi các trạm		
Phải thu khác	798.506.433	798.506.433
Cộng	1.685.745.584	1.762.084.737

03 Hàng tồn kho	Tại ngày	Tại ngày
	30/09/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	289.518.880	521.587.440
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	207.346.022	
Hàng hóa		
Cộng	496.864.902	521.587.440

04 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình				
Số dư đầu năm	75.789.174.726	2.156.877.886	474.072.037	78.420.124.649
- Mua sắm mới				
- XDCB hoàn thành	507.456.961		203.040.911	
- Thanh lý, nhượng bán	-169.142.480	-112.136.667		
Số dư cuối kỳ	76.127.489.207	2.044.741.219	677.112.948	78.849.343.374
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	35.461.453.047	1.106.261.365	317.346.252	36.885.060.664
- Trích khấu hao	8.385.529.414	255.570.022	84.038.264	
- Thanh lý, nhượng bán	-111.817.174	-106.529.808		
Số dư cuối kỳ	43.735.165.287	1.255.301.579	401.384.516	45.391.851.382
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình				
Tại ngày 01/01/2012	40.327.721.679	1.050.616.521	156.725.785	41.535.063.985
Tại ngày 30/09/2012	32.392.323.920	789.439.640	275.728.432	33.457.491.992



05 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình				
Số dư đầu năm			12.000.000	12.000.000
- Mua sắm mới				
- XDCB hoàn thành				
- Thanh lý, nhượng bán				
Số dư cuối kỳ			12.000.000	12.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm			10.999.989	10.999.989
- Trích khấu hao			1.000.011	1.000.011
- Thanh lý, nhượng bán				
Số dư cuối kỳ			12.000.000	12.000.000
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình				
Tại ngày 01/01/2012			1.000.011	1.000.011
Tại ngày 30/09/2012			0	0

06 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/09/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Chi phí các trạm BTS	214.782.697	507.456.961
Cộng	214.782.697	507.456.961

07 Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 30/09/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ	53.625.327	53.625.327
Chi phí trả trước khác	446.799.587	1.011.019.153
Cộng	500.424.914	1.064.644.480

08 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Tại ngày 30/09/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ tài khoản trích trước chi phí	962.970.403	962.970.403
Cộng	962.970.403	962.970.403

09 Vay và nợ ngắn hạn

	Tại ngày 30/09/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn	2.175.000.000	2.120.599.368



NISCO

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HẠ TẦNG MẠNG
Tầng 9, Nhà D, KS Thể thao, Nhân Chính, Thanh Xuân, HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III năm 2012

Mẫu số B 09 - DN

Nợ dài hạn đến hạn trả
Cộng

43.125.000 5.182.205.725
2.218.125.000 7.302.805.093

10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng
Thuế thu nhập doanh nghiệp
Thuế thu nhập cá nhân
Cộng

Tại ngày 30/09/2012 VND
1.180.363.650 938.427.920
1.582.698.796 1.697.650.393
56.990.125 8.809.061
2.820.052.571 2.644.887.374

11 Chi phí phải trả

Chi phí lãi vay phải trả
Chi phí thuê mặt bằng
Chi phí thuê bảo vệ
Cộng

Tại ngày 30/09/2012 VND
265.704.810 885.803.796
3.959.707.428 4.147.080.014
46.070.000
4.225.412.238 5.078.753.810

12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Bảo hiểm xã hội
Bảo hiểm y tế
Bảo hiểm thất nghiệp
Phải trả cổ tức
Các khoản phải trả, phải nộp khác
Phải thu khác
Cộng

Tại ngày 30/09/2012 VND
185.780.100 70.222.839
68.070.719 21.721.814
28.716.892 8.600.472
447.255.000 1.016.220.000
1.216.255.902 922.953.486
1.946.078.613 2.039.718.611

13 Vay và nợ dài hạn

A-Vay dài hạn
Vay Ngân hàng
Vay đối tượng khác
B-Nợ dài hạn
Nợ dài hạn đến hạn trả
Cộng

Tại ngày 30/09/2012 VND
3.850.926.636 10.562.847.858
301.875.000 4.312.754.938
3.549.051.636 6.250.092.920
(43.125.000) (5.182.205.725)
(43.125.000) (5.182.205.725)
3.807.801.636 5.380.642.133

14 Vốn chủ sở hữu

A-Bảng biến động của vốn chủ sở hữu



Nội dung	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quý dự phòng tài chính	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2011	30.000.000.000	142.033.887	401.936.252	4.557.029.864	35.101.000.003
Lãi trong năm				1.487.808.633	1.487.808.633
Chia cổ tức				(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Chia các quỹ		227.851.493	683.554.480	(1.387.108.959)	(455.702.986)
Thủ lao HĐQT					-
Giám khác					
Tại ngày 31/12/2011	30.000.000.000	369.885.380	1.085.490.732	1.677.729.538	33.133.105.650
Tại ngày 01/01/2012	30.000.000.000	369.885.380	1.085.490.732	1.677.729.538	33.133.105.650
Lãi trong kỳ				911.100.075	911.100.075
Chia cổ tức					-
Chia các quỹ		74.390.432	223.171.295	(446.342.590)	(148.780.863)
Thủ lao HĐQT					-
Giám khác					-
Tại ngày 30/09/2012	30.000.000.000	444.275.812	1.308.662.027	2.142.487.023	33.895.424.862

B-Chi tiết đầu tư của Chủ sở hữu

Theo CNDKKD

Vốn đã góp

Tên	Theo CNDKKD		Tại ngày 30/09/2012		Tại ngày 01/01/2012	
	VND	%	VND	%	VND	%
Cty Tài chính Bưu điện	6.000.000.000	20	1.000.000.000	3,33	1.000.000.000	3,33
Cty TNHH Thiên Việt	6.000.000.000	20	1.500.000.000	5	1.500.000.000	5
Cty CP VT Bưu điện	2.000.000.000	6,67	2.000.000.000	6,67	2.000.000.000	6,67
Các cổ đông khác	16.000.000.000	53,33	25.500.000.000	85	25.500.000.000	85
Cộng	30.000.000.000	100	30.000.000.000	100	30.000.000.000	100

VI Thông tin bổ sung cho các mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

15 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Quý III năm 2012 Quý III năm 2011

	VND	VND
Tổng doanh thu	8.809.129.599	8.926.658.958
Doanh thu cho thuê các trạm BTS, Inbuilding	8.523.829.881	8.926.658.958
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	285.299.718	
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại		
Doanh thu thuần	8.809.129.599	8.926.658.958

16 Giá vốn hàng bán

Quý III năm 2012 Quý III năm 2011

	VND	VND
Giá vốn cho thuê các trạm BTS, Inbuilding	4.794.736.346	4.685.306.473



Mẫu số B 09 - DN

Giá vốn bán hàng hóa
Cộng

170.110.443
4.964.846.789 4.685.306.473

17 Doanh thu hoạt động tài chính

Quý III năm 2012 Quý III năm 2011
VND VND

Lãi cho vay, tiền gửi
Cổ tức, lợi nhuận được chia
Chênh lệch lãi tỷ giá phát sinh trong kỳ
Cộng

(45.671) 787.083
(45.671) 787.083

18 Chi phí tài chính

Quý III năm 2012 Quý III năm 2011
VND VND

Chi phí lãi vay
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
Chi phí tài chính khác
Cộng

309.744.685 1.194.520.174
309.744.685 1.194.520.174

19 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Quý III năm 2012 Quý III năm 2011
VND VND

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
Điều chỉnh các khoản tăng (giảm) lợi nhuận
Các khoản chênh lệch vĩnh viễn
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN
Các khoản chênh lệch tạm thời
Tăng (giảm) giá vốn hàng bán trích trước
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm
Thuế suất
Thuế TNDN ước tính trong năm
Ưu đãi thuế theo quy định
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành ước tính

553.167.670 1.102.581.138
553.167.670 1.102.581.138
25% 25%
138.291.918 275.645.285
138.291.918 275.645.285

20 Thông tin với các bên liên quan

* Các khoản phải thu

Tại ngày Tại ngày
30/09/2012 01/01/2012
VND VND

Ký quỹ báo lãnh tại Cty Tài chính Bưu điện
Phải thu của Cty TNHH Thiên Việt
Cộng

100.000.000 100.000.000
102.300.000 2.258.200.747
202.300.000 2.358.200.747

* Các khoản phải trả

Tại ngày Tại ngày
30/09/2012 01/01/2012



Mẫu số B 09 - DN

	VND	VND
Vay và nợ dài hạn		
Cty Tài chính Bưu điện	549.051.636	3.250.092.920
Cộng	549.051.636	3.250.092.920
Mua hàng		
Phí bảo lãnh của Cty Tài chính Bưu điện		
Lãi vay Cty Tài chính Bưu điện	72.075.314	290.849.380
Cộng	72.075.314	290.849.380
* Thu nhập của Ban giám đốc và thù lao HĐQT		
Thu nhập của Ban giám đốc	182.400.000	132.400.000
Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	34.500.000	29.000.000
Cộng	216.900.000	161.400.000

Quý III năm 2012 Quý III năm 2011
VND VND

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đào Kim Oanh

Vũ Đức Trường

Vũ Hữu Thịnh